

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2020

“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đăng Ban;

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Cù xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1991; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q1, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn V, sinh năm 1987; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Q1, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên;

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1966; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Q1, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai chị Lưu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Vũ Văn V tự nguyện kết hôn và được chứng nhận đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Q, xã Q1. Thời gian đầu vợ chồng chị T sống hạnh phúc, không nảy sinh mâu thuẫn gì cho đến năm 2012, do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đến năm 2013, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị T gửi con cho bố mẹ đẻ chị T nuôi còn chị T đi xuất khẩu lao động nước ngoài còn anh V nhà về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Q1 sinh sống. Đến năm 2016, chị T về hãn nước, vợ

chồng có gặp gỡ nói chuyện về quan hệ hôn nhân nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục cãi nhau. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có hai con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/12/2010 và Vũ Duy A, sinh ngày 16/5/2012, hiện các con chung đều ở với chị T. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không vướng mắc gì về tài sản với người khác; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Vũ Văn V không đến Tòa án làm việc.

Người làm chứng bà Phạm Thị V cung cấp:

Năm 2010, anh V và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã Q1, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Sau khi gia đình tổ chức đám cưới, anh V đón chị T về chung sống. Hai vợ chồng chị T, anh V không sống cùng gia đình mà thuê nhà và sinh sống tại thôn Q, xã Q1. Đến năm 2015, chị T đi xuất khẩu lao động nước ngoài còn anh V ở quê làm cơ khí. Năm 2018, chị T về nước, sau đó đi Đà Lạt - Lâm Đồng làm ăn; anh V cũng vào trong đó cùng chị T. Quá trình chung sống với nhau tại Lâm Đồng, giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn do không thống nhất trong vấn đề công việc và làm ăn. Vì các con ở xa nên gia đình bà chưa hòa giải cho hai vợ chồng anh V, chị T lần nào, tuy nhiên bà cũng có khuyến bảo anh V cần giải quyết dứt điểm mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Về con chung: Anh V, chị T có hai con chung, hiện cả hai đang ở cùng với chị T và ông bà ngoại.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh V có một ngôi nhà cấp 4, có vay nợ một số người, tuy nhiên bà V không có thông tin chính xác và cụ thể.

Về công sức đóng góp: Hai anh, chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai lần Tòa án gửi văn bản tố tụng cho anh V, gia đình bà V cũng đã gọi điện thông báo cho anh V biết về việc Tòa án gửi giấy triệu tập, Thông báo, anh V có nói là “Cứ để yên cho họ làm”. Hiện nay anh V đang làm ăn ở Đà Lạt, gia đình bà không rõ địa chỉ.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình hỏi công khai tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Vũ Văn V. Về con chung: Giao cả hai con chung là các cháu Vũ Hoàng L và Vũ Duy A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, Anh V không phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Về phần tài sản: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không đến tham gia phiên tòa; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Vũ Văn V đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; hai anh chị kết hôn tự nguyện, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn; do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Nay chị T có yêu cầu ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh V sống hạnh phúc ba năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là kinh tế khó khăn và công việc làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau; từ năm 2013 cho đến nay chị T, anh V sống ly thân. Tòa án nhiều lần tổng đạt, triệu tập đối với anh V, nhưng anh V không đến Tòa án làm việc, cho thấy anh V trốn tránh, giấu địa chỉ, bỏ mặc, không quan tâm và không có thiện chí hòa giải với chị T để giải quyết vụ án; điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T cần được chấp nhận để hai bên sớm ổn định cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có hai con chung là các cháu Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/12/2010 và Vũ Duy A, sinh ngày 16/5/2012, hiện đang ở với chị T. Các cháu L và A đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ, vì vậy cần giao các con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng từ nay cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên cần được chấp nhận. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.

[4] Về phần tài sản: Chị T khẳng định anh, chị không có tài sản gì chung, không nợ ai tài sản gì, không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình, ruộng cấy không có tranh chấp; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng cấy.

Nếu anh V có đơn yêu cầu giải quyết về phần tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, chị Lưu Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị T ly hôn anh Vũ Văn V.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/12/2010 và Vũ Duy A, sinh ngày 16/5/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng từ thời điểm xét xử cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.
3. Về phần tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
Nếu anh Vũ Văn V có đơn yêu cầu giải quyết về phần tài sản thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.
4. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005959 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- UBND xã Q1;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Phụng